



This project is funded by
the European Union



HỘI THẢO

THAM VẤN VỀ CÁC TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU-VIỆT NAM (EVFTA) ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 2 tháng 11 năm 2017

Quan điểm trong bài trình bày là của tác giả, không phản ánh ý kiến chính thức của Liên minh châu Âu hay của Bộ Công Thương

Hội nhập quốc tế sâu rộng: **Liệu Việt Nam có là trung tâm sản xuất mới?**

Võ Trí Thành

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Nội dung trình bày

- ***Đổi Mới***: Thành tựu và một số vấn đề chính
- **Thực tế hoạt động thương mại và CN chế biến**
- **Một số FTAs chính: Tác động có thể và ứng phó**
- **Sự tham gia và nâng cấp của SMEs trong PNs/GVCs**

***Đổi Mới* Thành tựu & những vấn đề chính**

■ Thành tựu

- Từ một nước nghèo thành một nước có thu nhập trung bình (thấp) (GDP đầu người năm 1990: <100 USD; 2015: 2200 USD; tỷ lệ nghèo theo GSO-WB năm 1993: 57%; 2015: 7-8%)
- Từ một nước dựa vào nông nghiệp thành một nền kinh tế công nghiệp hóa (Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP năm: 41%; 2015: 18% & Công nghiệp + Dịch vụ: 82%)
- Từ một nền kinh tế đóng thành một nền kinh tế mở (Độ mở kinh tế năm 2015: $(X+M)/GDP \approx 160\%$; khu vực FDI: >20% GDP; >65% giá trị xuất khẩu; >20% tổng đầu tư)

■ Lợi thế mà Việt Nam có thể tận dụng để thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến

- Vị trí địa lý chiến lược ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương năng động và tham gia vào chuỗi giá trị CN chế biến toàn cầu
- Dân số trẻ ($60\% < 35$ tuổi) và chi phí nhân công tương đối thấp
- Thị trường trong nước lớn, gia tăng tầng lớp trung lưu
- Chiến lược đầu tư Trung Quốc + 1 của các nhà đầu tư nước ngoài
- Việt Nam cam kết cải cách cơ cấu và thể chế mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng hơn

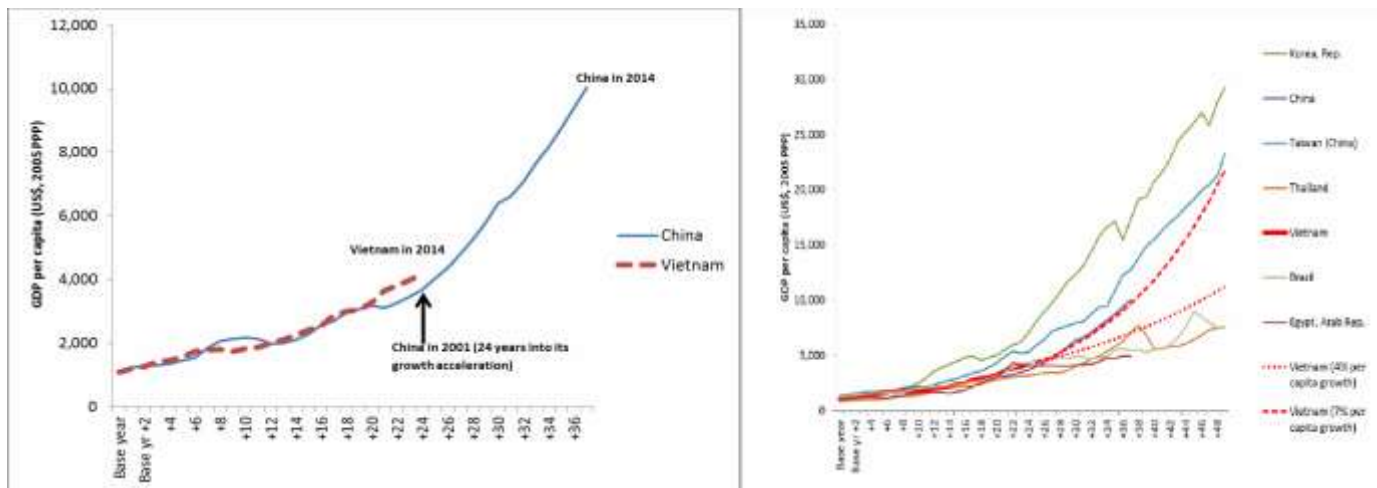
■... **tuy nhiên, thách thức**

- Chất lượng tăng trưởng thấp: Đóng góp của TFP vào tăng trưởng thấp; ICOR cao (đầu tư công và khu vực SOE kém hiệu quả); tăng trưởng nâng suất lao động giảm dần; chi phí giao dịch kinh doanh cao (gắn kết với khu vực dịch vụ yếu, quan liêu, tham nhũng)
- Ngành công nghiệp “cấu trúc kép” + Tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu/khu vực nhưng vị trí thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu/khu vực và tác động lan tỏa từ FDI sang các DN trong nước (nhất là SMEs) còn hạn chế
- SMEs của Việt Nam khó có thể trưởng thành (“Khuyết trong nền kinh tế trung bình”). Nguyên nhân (VN 2035):
 - Quyền sở hữu?
 - Cạnh tranh (SOEs;..)?
 - Tiếp cận nhân tố sản xuất (những méo mó trong thị trường nhân tố)?
 - Chi phí giao dịch (môi trường kinh doanh)?
- Khoảng cách thu nhập/tài sản ngày càng lớn
- Môi trường bị ô nhiễm và suy thoái

■ Và những vấn đề chính?

- Thoát khỏi “bẫy chi phí nhân công thấp” và đặt nền móng cơ bản để vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”?
- Đạt tốc độ tăng trưởng (tương đối) cao và đảm bảo xã hội và môi trường phát triển bền vững?

Trên con đường tiến kịp: Việt Nam so với một số nền kinh tế khác

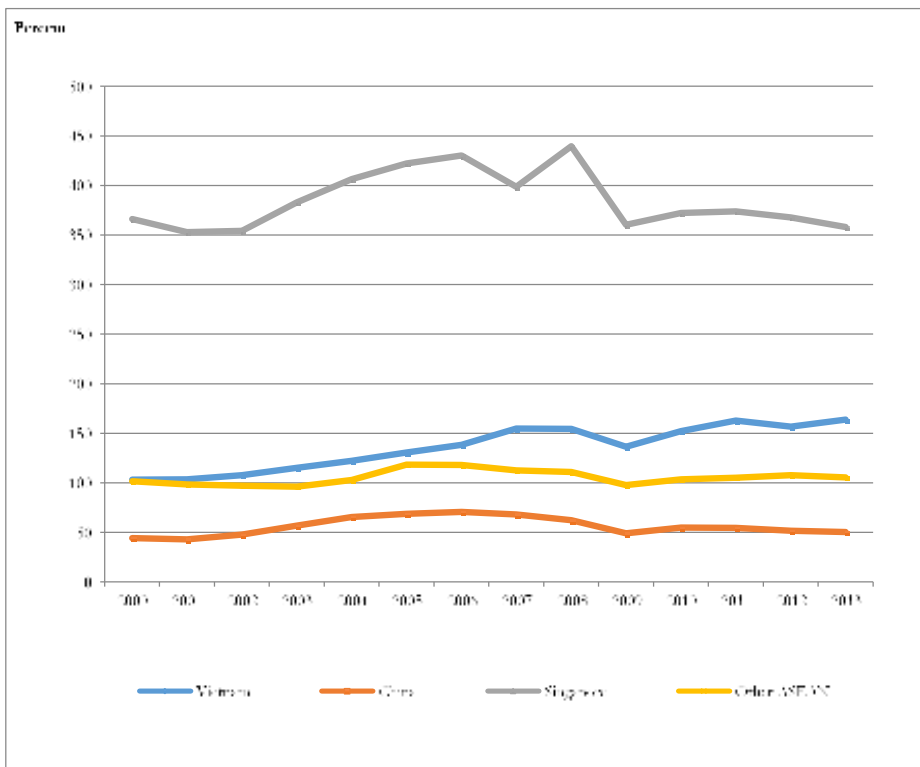


Nguồn: Penn World Tables 8.0.

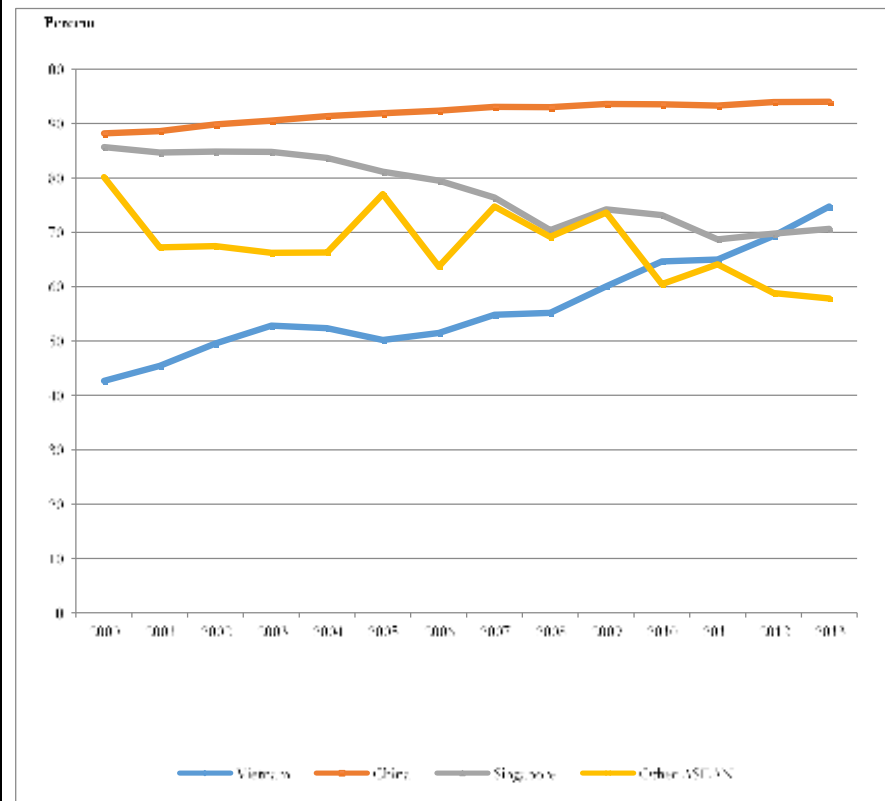
Hoạt động Thương mại và CN chế biến

■ Thương mại của Việt Nam: Tăng trưởng và cơ cấu

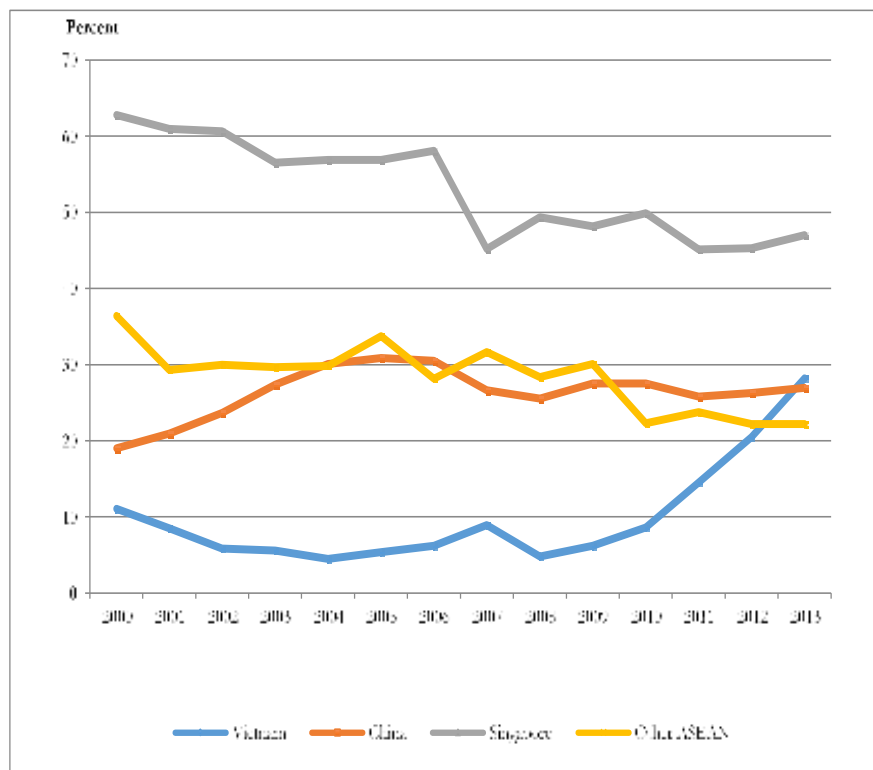
Tỷ lệ thương mại/GDP của VN và một số nước



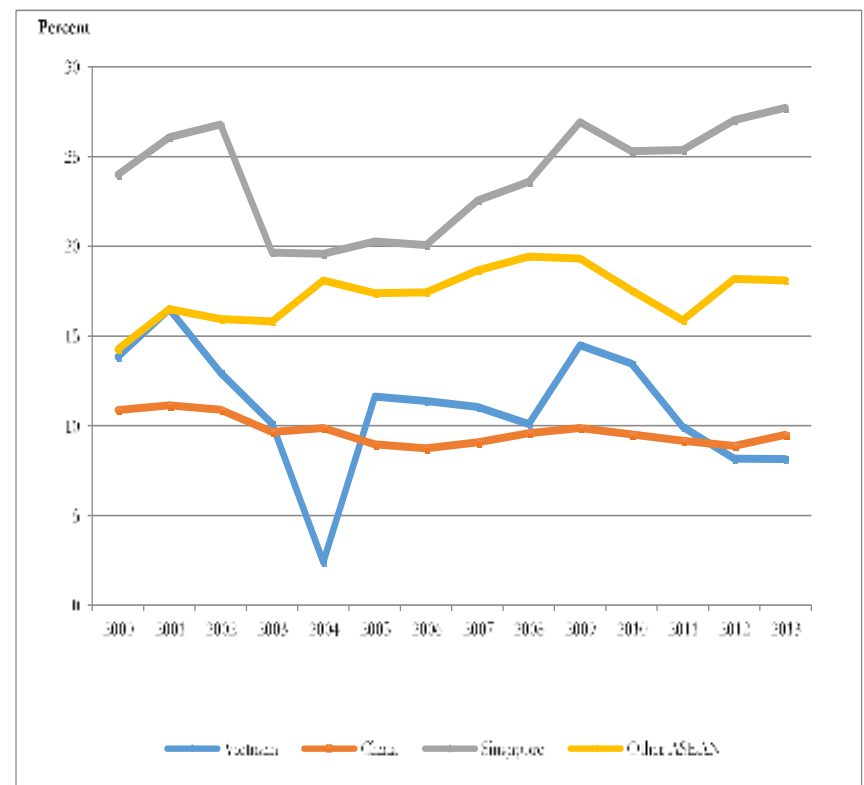
CN chế biến trong xuất khẩu hàng hóa



Tỷ trọng xuất khẩu công nghệ cao trong xuất khẩu CN chế biến của VN và một số nước (%)



Tỷ trọng xuất khẩu dịch vụ trong tổng XK hàng hóa và dịch vụ của VN và một số nước (%)



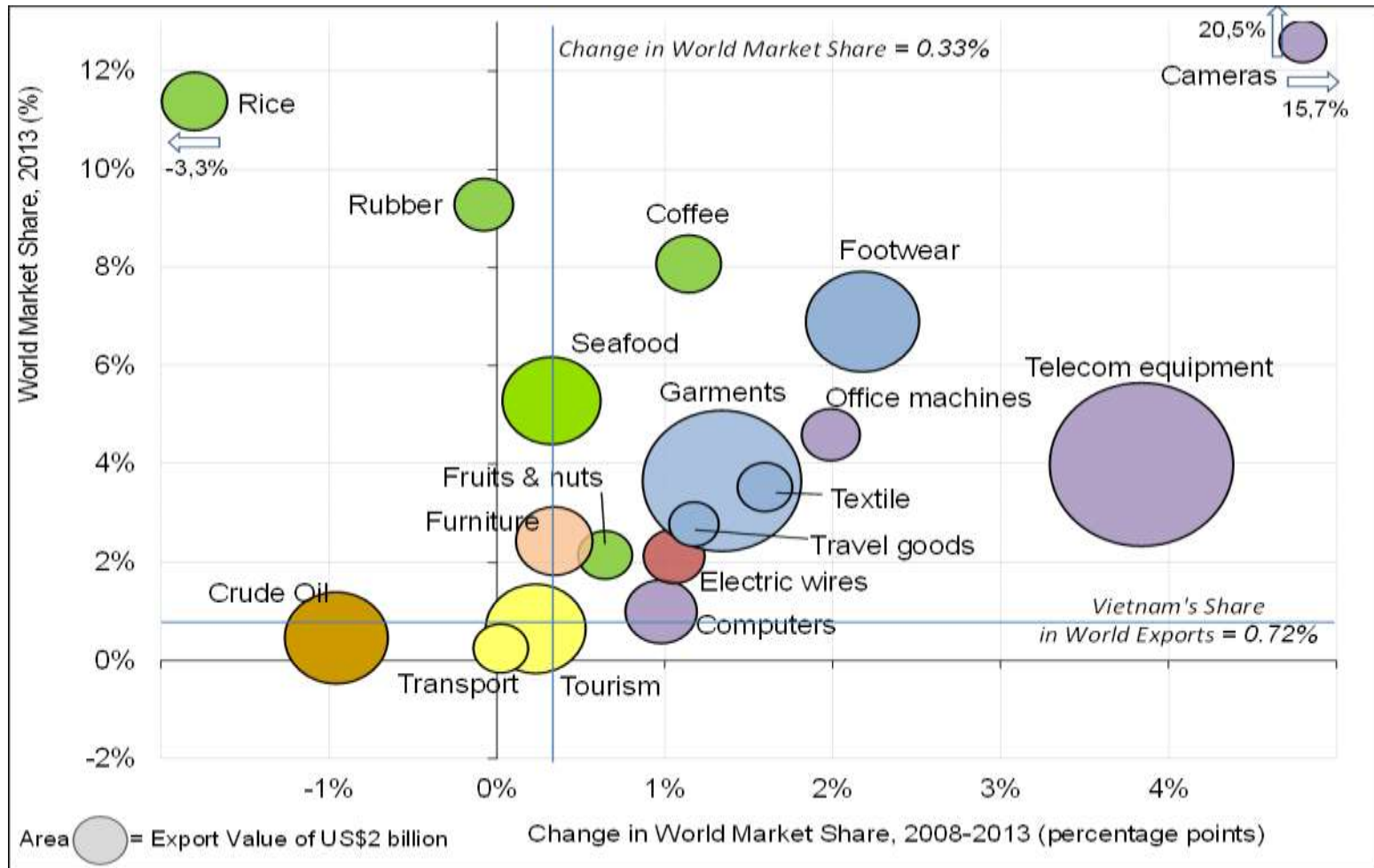
■ Xuất khẩu hàng hóa

- Phụ thuộc nhiều và tài nguyên thiên nhiên và nhiều lao động, tuy nhiên đang dần dịch chuyển sang những sản phẩm sử dụng nhiều công nghệ và vốn. Lưu ý: $RCA > 1$: 60%; $RCA < 1$: 25% (đang tăng dần); $RCA < 1$: 15% (đang giảm dần). Xuất khẩu hàng tiêu dùng: 55%; Tỷ trọng hàng hóa trung gian và hàng hóa vốn có xu hướng tăng
- Thị trường Hoa Kỳ & EU: hàng tiêu dùng; Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc & ASEAN: hàng tiêu dùng, khai khoáng và hàng trung gian ("lớp"/TNCs).

■ Nhập khẩu hàng hóa

- Thặng dư xuất khẩu: Hoa Kỳ, Úc, Anh
- Thâm hụt thương mại: Rất lớn với Trung Quốc (hàng hóa trung gian và hàng hóa vốn). Các thị trường khác: Hàn Quốc, Đài Loan, ASEAN (Singapore,...). Lưu ý các quốc gia Đông Á là các nhà đầu tư chính ở Việt Nam

■ Sự trỗi dậy của cụm công nghiệp

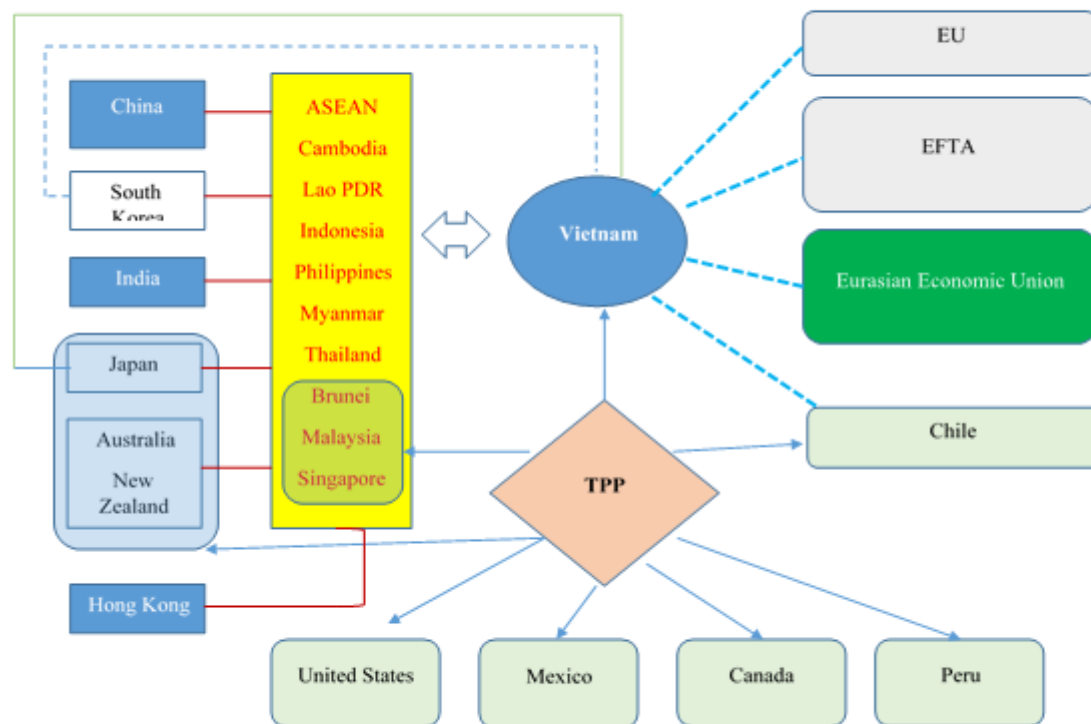


Một số FTAs chính: Tác động có thể và ứng phó

■ Chiến lược hội nhập quốc tế

- WTO là nền tảng cho hội nhập sâu rộng
- Hội nhập Đông Á: AEC; FTA ASEAN +1 & + 6 (RCEP)
- FTAs (TPP (?), VN-EU FTAs, và các FTA khác)+ Hợp tác với những đối tác chính (“Đối tác toàn diện/& chiến lược”)

Các FTAs Việt Nam đã ký kết và chờ thông qua



■ **TPP**: Dân số: 900 triệu, 28% thương mại toàn cầu và 37% GDP thế giới

■ **RCEP**: 48% dân số thế giới, 30% thương mại toàn cầu, 30% GDP thế giới

■ **EU**: Dân số 500 triệu, 20% thương mại toàn cầu, 26% GDP thế giới

■ **ASEAN (2013)**: Dân số: 625 triệu

GDP : 2400 tỷ USD

Thương mại: 512 tỷ USD

Vốn FDI vào: 122 tỷ USD

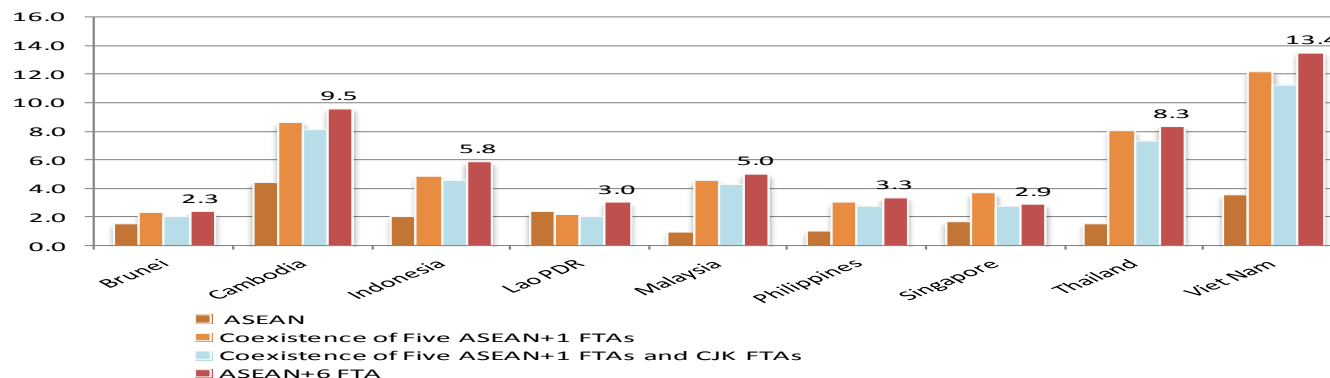
■ FTAs là hình mẫu cho cải cách và phát triển kinh tế

- Mở rộng xuất khẩu và các hoạt động kinh tế khác
- Mở rộng đầu tư (đặc biệt là FDI).
- Áp lực/hình mẫu cho cải cách thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh (nhất là TPP; VN-EU FTA & AEC)
- Con đường tái cơ cấu nền kinh tế (nhất là khu vực nông nghiệp)

■ *Mặc dù còn nhiều thách thức và một số vấn đề kỹ thuật, nhưng các cam kết trong FTAs, nhất là TPP, VN-EU FTA & AEC, về cơ bản nhất quán với tiến trình cải cách mà VN muốn và/hoặc theo đuổi trong giai đoạn phát triển. Một số quan sát gần đây:*

- Những thay đổi và xây dựng khung khổ pháp lý (Luật DN, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Mua sắm CP; Nghị định về PPP,...)
- Những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh (Nghị quyết 19/2014-16, Nghị quyết 35)
- Nỗ lực tái cơ cấu SOE, khu vực ngân hàng và đầu tư công

Tác động kinh tế của FTA ASEAN++ (RCEP)



Lưu ý: Điểm phần trăm lũy kế, độ lệch sơ với KB cơ sở, 2011-15. Nguồn: Itakura (2013)

Income gains in TPP, EVFTA, & RCEP

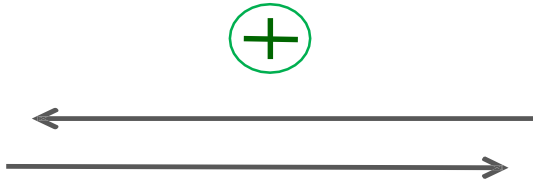
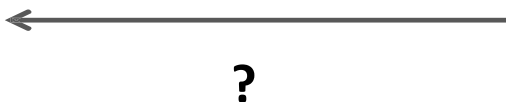
	Projected	Change in 2025 (\$b)			Change in 2025 (%)		
	2025 (\$b)	TPP	EVFTA	RCEP	TPP	EVFTA	RCEP
Real income							
United States	20,273	77	0	0	0.4	0.0	0.0
Vietnam	340	36	19	17	10.5	5.5	5.1
WORLD	103,223	223	26	644	0.2	0.0	0.6
Exports							
United States	2,813	123	0	-4	4.4	0.0	-0.1
Vietnam	239	68	37	30	28.4	15.6	12.5
WORLD	28,415	305	44	1,383	1.1	0.2	4.9

Source: Cited in Petri & Phuc (2015)

■ Một số quan sát (đến nay)

- Có FTAs với (hầu hết) đối tác thương mại và đầu tư chính. Rất nhiều ngành đang trong quá trình hợp tác (như VN-Nhật Bản: 6 ngành)
- Gia tăng FDI: từ 2013, hàng tỷ USD đầu tư vào T&G và điện tử, tận dụng lợi thế tiếp cận thị trường, ROOs..)
- Cơ hội mới trong KD và đầu tư ở nhiều ngành/lĩnh vực
 - Xuất khẩu các ngành có lợi thế cạnh tranh (T&G, da giày, gạo, cà phê, thủy sản,..)
 - Hàng tiêu dùng và dịch vụ (phân phối và bán lẻ; dược phẩm; du lịch & giải trí; giáo dục; y tế)
 - Sự tham gia của SMEs trong mạng sản xuất/cụm CN do các TNCs dẫn dắt (sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ)
 - Phát triển CSHT và logistics (ASEAN MPAC và kết nối APEC), và bất động sản
 - Sự trỗi dậy của những ngành mới (CN “xanh”; IT và thương mại điện tử; kinh tế sáng tạo)

■ Tuy nhiên chi phí và rủi ro của hội nhập quốc tế có thể rất lớn

Thương mại trong GVCs		FTAs
Nâng cấp GVCs		FTAs

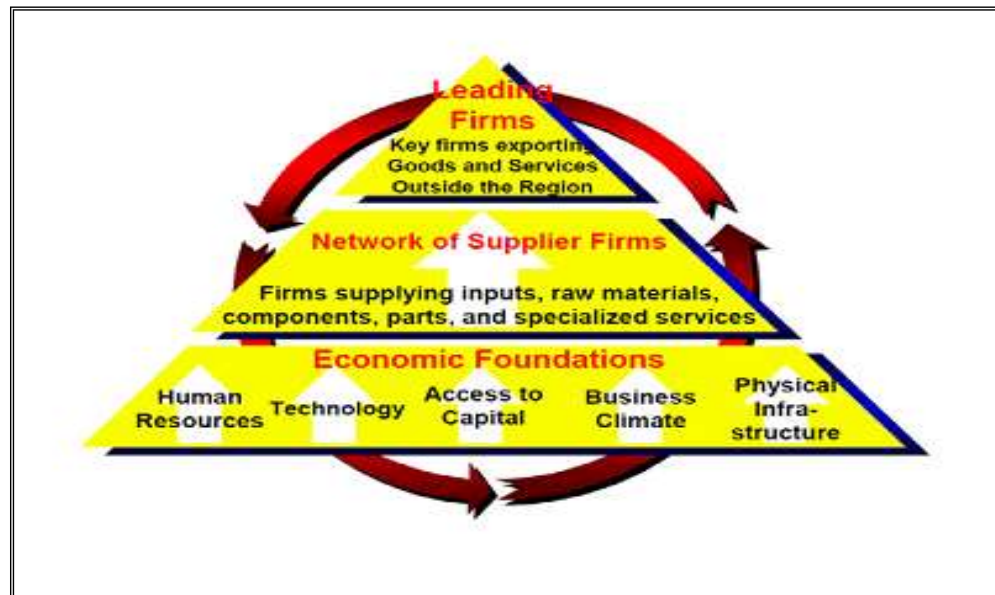
- Chi phí điều chỉnh đối với một số ngành không có lợi thế cạnh tranh (như chăn nuôi) do cạnh tranh khốc liệt
- Chi phí tuân thủ (cho cả DN và Chính phủ)
- Khả năng bất ổn kinh tế vĩ mô (do phản ứng chính sách với gia tăng dòng vốn vào/ra không phù hợp)

Sự tham gia và nâng cấp của SMEs trong PNs/GVCs

■ Lợi ích

- SMEs trong PNs/GVCs thường có những đặc điểm riêng có so với các DN không tham gia (về nâng cấp công nghệ và tiếp cận tài chính) (Võ và cộng sự 2010)
- *Lý do về kinh tế đối với chính sách cụm CN:* Thất bại của thị trường + các yếu tố tích cực bên ngoài do kết nối mạng lưới và mật độ kết nối (lan tỏa công nghệ, phân chia lao động tốt hơn, tiếp cận tài chính tốt hơn, “thương hiệu cụm”)

Một số điều kiện chính để phát triển cụm CN



Yếu tố quan trọng trong thiết kế và thực thi CS cụm CN ở VN

- Chính phủ cần nhận diện cụm công nghiệp sẵn có và “hạt giống” tiềm năng
- Tránh sự phức tạp về thể chế
- Phát triển công nghiệp hỗ trợ và SMEs trong nước là một phần quan trọng của chính sách cụm CN
- Thúc đẩy hệ thống đổi mới và hạ tầng giáo dục. Không chỉ mơ mộng về thung lũng Silicon: Hỗ trợ sáng tạo và chuyển giao tri thức trong các ngành truyền thống – từ nông nghiệp và chế biến thực phẩm sang đồ gỗ, T&G và công nghiệp chế biến – hoặc những ngành FDI chi phối (như công nghiệp xe máy, cơ khí và điện tử) trong đó VN có những lợi thế so sánh rõ ràng
- Thúc đẩy tiếng nói của cộng đồng DN; Cải thiện môi trường kinh doanh: một trụ cột cho phát triển cụm CN
 - *Nguồn: CIEM (2013) và Coniglio et al. (2011).*

■ **Đổi mới và chuyển giao công nghệ** (*Khung khổ phù hợp, ERIA 2014*)

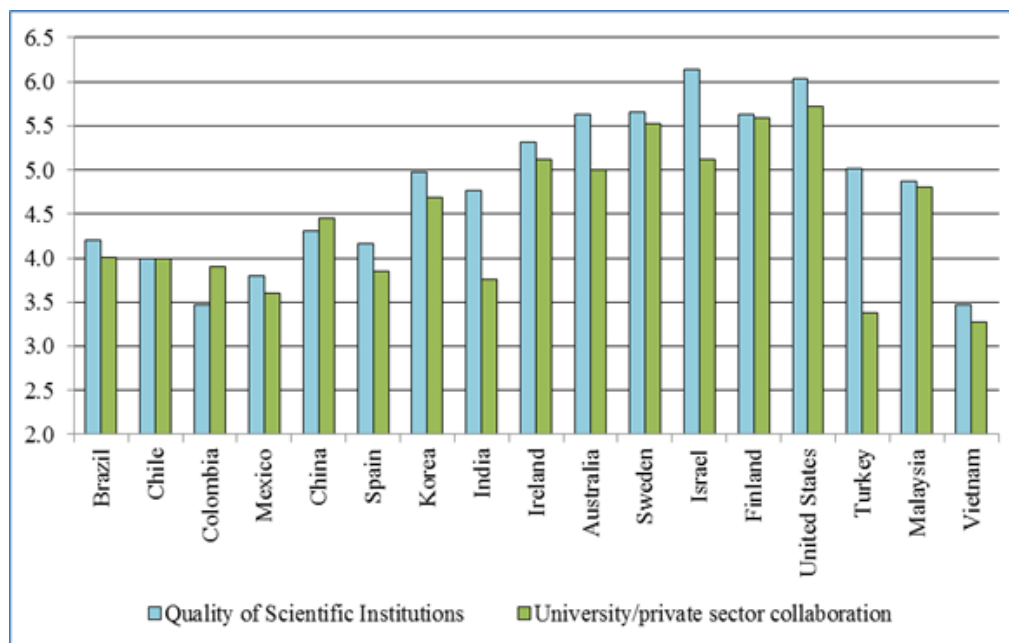
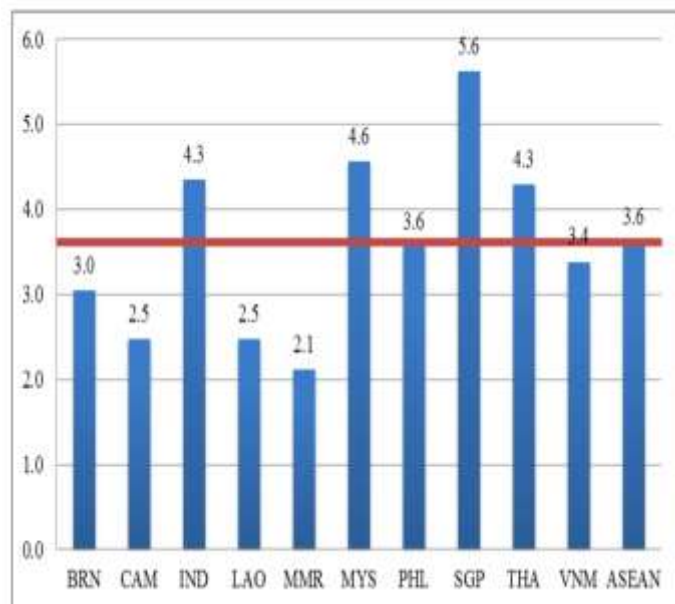
- Tăng cường phổ biến công nghệ (tiếp cận chiến lược; thông tin về dịch vụ hỗ trợ công nghệ, chứng nhận tiêu chuẩn)
- Thúc đẩy hợp tác công nghệ nhằm phát triển R&D thương mại hóa tri thức (hỗ trợ công nghệ trong trường đại học; phát triển các phòng thí nghiệm R&D & vườn ươm kết nối SME; tăng cường và bảo vệ IPRs)
- Thúc đẩy mạng lưới cụm công nghiệp và kinh doanh (điều phối luồng tri thức, khu khoa học..)
- Ưu đãi tài chính cho phát triển công nghệ thông qua thuế, tài trợ cho R&D công
 - 1. Ưu đãi như trợ cấp, vay, thuế.. + kiểm tra nghiêm ngặt, giám sát và thẩm định trước
 - 2. Phát triển thị trường tài chính lành mạnh và đa dạng (bảo lãnh tín dụng, cơ sở cho tài chính vi mô, cho thuê, quỹ đầu tư & VCs; thị trường chứng khoán) và khung khổ pháp lý phù hợp (quyền sở hữu; thế chấp và dự phòng, quyền của người cho vay)

■ Khó khăn và thách thức

- Năng lực đổi mới - Việt Nam ở đâu hiện nay? (MPI & WB 2016): Một trong 37 nền kinh tế dẫn dắt bởi các nhân tố. 2014-15: Chỉ số giáo dục: 96/144, Chỉ số sẵn sàng công nghệ: 99/144; Chỉ số đổi mới: 87/144)

Quan điểm của DN Việt Nam về hợp tác giữa khu vực tư nhân và viện nghiên cứu/trường đại học

Figure 12: Overall Scores for Access to Finance



■ Và rủi ro khi tham gia PNs/GVCs

- Trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn, SMEs thường được coi là đối tượng dễ phá giá và dậm về năng lực, do đó, có thể loại ra khỏi mạng lưới mà không mất nhiều thời gian báo trước
- Tác động tiêu cực bên ngoài cụm CN: *Chi phí nghẽn* (ô nhiễm, giao thông và tắc đường, tăng giá thuê đất) + *Tác động kẹt*
- Rủi ro chính sách (CIEM 2013 & Pham 2011): (i) Mức độ phức tạp của hành động chính sách và điều phối chính sách (Cụm CN có thể không đồng nhất cao và do đó không có mô hình áp dụng chung cho chính sách cụm); (ii) Thiếu thể chế trung gian/thiếu quản trị cụm; (iii) Hành vi trục lợi, thông đồng quyền lực chính trị

Kết luận

- VN đang ở thời điểm quyết định chuyển đổi mô hình phát triển thông qua thiết lập nền tảng để vượt qua "bẫy thu nhập trung bình". VN cần động lực mới cho cải cách. Sự tương tác giữa cải cách trong nước và hội nhập (TPP, RCEP, VN-EU FTA ...) trở nên sâu sắc hơn
- VN dường như có những điều kiện tiên quyết để trở thành một trung tâm sản xuất. Nhưng Việt Nam cần vượt qua một số thách thức (nhất là về thể chế, nhân lực và cơ sở hạ tầng)
- Thành công chỉ được đảm bảo khi VN tiếp tục nhận thức được tiềm năng của con người, cải cách thể chế và tăng cường đổi mới (cùng với tận dụng lợi thế và giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu sắc và thế giới và khu vực có những thay đổi)

XIN CẢM ƠN

Liên hệ :

Ban Quản lý Dự án EU-MUTRAP

Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội, 49

Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)